

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2022

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan và ông Nguyễn Hữu Huân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1981. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982. (xin vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn K, xã N, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 08/01/2002, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện LN. Hai người sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có hai con chung:

- Nguyễn Văn Th, sinh năm 2002;

- Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do nhiều năm gần đây hai vợ

chồng hay cãi nhau, anh L thường xuyên gây sự với chị; đã nhiều lần anh L đánh chị, việc anh L đánh có hàng xóm và các con chị đều biết; mọi người đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh L không thay đổi tính, vẫn quát tháo hành hạ vợ con. Năm 2019 anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, bị lây bệnh xã hội và chị cũng bị lây bệnh do anh L. Chị và anh L sống cùng trong một nhà, nhưng cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, hai người không nói chuyện được với nhau; năm 2020 anh L đã đánh chị nhiều lần, đã có lần chị phải về nhà bố mẹ chồng ở, anh L lại lên đánh chị tiếp, chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó anh L lên xin lỗi, nên chị chấp nhận, hiện nay trên thân thể chị có nhiều vết thương do anh L đánh. Vì các con, nên chị không báo chính quyền địa phương và không đi bệnh viện.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung như trình bày ở trên. Con Nguyễn Văn Th đã trưởng thành và đang làm tại khu Công nghiệp Việt Yên, tự lo được cuộc sống, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Con Nguyễn Thị M đang học lớp 12, trường PTTH LN. Nếu ly hôn chị xin nuôi con Minh. Chị đang làm tại Công ty Hồng Hải, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Đề chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:* Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng. Anh và chị H sống hạnh phúc một thời gian dài và đã có hai con chung:

- Nguyễn Văn Th, sinh năm 2002;
- Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004.

Anh và chị H chưa có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Tòa án hòa giải về đoàn tụ, còn chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như trình bày ở trên. Con Nguyễn Văn Th đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, tự lo được cuộc sống, anh không yêu cầu xem xét. Con Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004, nếu phải ly hôn, thì cháu Minh có nguyện vọng ở với ai tùy thuộc vào cháu, anh đồng ý. Nếu cháu ở với anh thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hiện tại anh làm thợ xây và làm nông nghiệp tại địa phương, thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Nếu con Minh ở với chị H, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản: Đề anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, chị H không rút đơn khởi kiện, anh L vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, lý do chị xin ly hôn vì: Anh L đã quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh chị; chị và anh L đã được nhiều người hòa giải, nhưng anh L không thay đổi, vẫn hành hạ vợ con, chị và anh L sống cùng một nhà, nhưng không còn quan hệ vợ chồng nữa, đến nay chị cũng không còn tình cảm với anh L, nên đề nghị tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung. Con Nguyễn Văn Th đã trưởng thành và đang làm tại khu Công nghiệp Việt Yên, tự lo được cuộc sống, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Con Nguyễn Thị M đang học lớp 12, trường PTTH LN. Nếu ly hôn chị xin nuôi con Minh. Chị đang làm tại Công ty HH, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Đề chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án cơ bản tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên về thời hạn xử lý đơn khởi kiện: Ngày 05/11/2021 Tòa án nhận đơn khởi kiện của chị H. Nhưng đến ngày 19/11/2021 Tòa án mới ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là quá hạn so với qui định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình ; các Điều: 28 147, 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí:

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1 triệu đồng/tháng, kể từ tháng 2/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn L là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[1.4] Ý kiến của Viện kiểm sát về thời hạn xử lý đơn khởi kiện không đúng thời hạn. Xét thấy: Ngày 05/11/2021 Tòa án nhận đơn khởi kiện của chị H, Tòa án đã chuyển đơn khởi kiện của chị H sang thủ tục hòa giải theo quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ngày 19/11/2021 Tòa án ban hành thông báo chấm dứt việc hòa giải tại Tòa án và chuyển đơn khởi kiện của chị H sang giải quyết theo quy định của

BLTTDS; cùng ngày 19/11/2021 Tòa án ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là đúng qui định của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 08/01/2002, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện LN theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị H trình bày là do nhiều năm gần đây hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, anh L thường xuyên gây sự với chị, đã nhiều lần anh L đánh chị. Năm 2019 anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, bị lây bệnh xã hội và chị cũng bị lây bệnh do anh L. Chị và anh L sống cùng trong một nhà, nhưng cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, cãi nhau thường xuyên, năm 2020 anh L đã đánh chị nhiều lần, đã có lần chị phải về nhà bố mẹ chồng ở, anh L lại lên đánh chị tiếp, chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Còn theo anh L trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng không có gì, nếu chị H xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Xét thấy: Chị H và anh L sau khi kết hôn về chung sống với nhau, có nhiều điểm không hợp nhau, nên những năm gần đây mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hai người cãi nhau thường xuyên. Tòa án đã hòa giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ. Nhưng anh L vắng mặt và đồng ý ly hôn, còn chị H giữ quan điểm ly hôn, hiện tại chị H và anh L đã sống ly thân. Như vậy chị H và anh L đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh L có 2 con chung. Con Nguyễn Văn Th, sinh năm 2002 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Con Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004 chị H có nguyện vọng xin nuôi; cháu Minh cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi con Minh là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con 1 triệu đồng/tháng, anh L cũng chấp nhận điều này. Do đó cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không

đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: Anh L phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 12/5/2004

Anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho H là 1.000.000

đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013383 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh BG. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LN, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện LN;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- L HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh